

Bản án số: 41/2024/HS-ST

Ngày 20-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tha
2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh – Kiểm sát viên.

Từ ngày 17 đến ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06a/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Kh (Khánh Kenpi), sinh năm 2001 tại: N, Khánh Hòa; nơi cư trú: Tổ dân phố Phong Phú 1, phường Ninh Giang, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Khang, sinh năm 1973; con bà: Trần Thị Cúc, sinh năm 1976; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 12/6/2023, Nguyễn Văn Kh bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 07/8/2023, Nguyễn Văn Kh bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N khởi tố bị can về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/01/2024 cho đến nay; có mặt.

2. Bùi Tấn H, sinh năm 2002 tại: N, Khánh Hòa, nơi cư trú: Tổ dân phố Phong Phú 2, phường Ninh Giang, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Tấn Huy, sinh năm 1983; con bà: Võ Thị Bé Tính, sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2023 cho đến nay; có mặt.

3. Huỳnh Phúc D, sinh năm 2005 tại: N, Khánh Hòa, nơi cư trú: Thôn Hội Phú Nam 1, xã Ninh Phú, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Phúc Truyền, sinh năm 1982; con bà: Lê Thị Xuân Hồng, sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2023 cho đến nay; có mặt.

Bị hại:

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hậu Phước, phường Ninh Hà, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 26/10/2000;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phong Phú 1, phường Ninh Giang, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Bùi Văn T, Nguyễn Văn H:* Bà Lê Phương T, Luật sư Văn phòng luật sư Lê Phương T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lương Minh H1, sinh năm 1999;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thuận Lợi, phường Ninh Hà, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 2002;

Nơi cư trú: Thôn Tân Quang, xã Ninh Quang, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

3. Ông Lý Phước Th1, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường Ninh Hiệp, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

4. Ông Phạm Ngọc Th2, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Thôn Phong Thạnh, xã Ninh Lộc, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 20/5/2023, Nguyễn Văn Kh ngồi nhậu với Bùi Tấn H tại quán nhậu “Út Ghi” của ông Phạm Ngọc Th2 tại Tổ dân phố 2, phường Ninh Hiệp, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Lúc này, Kh nhìn thấy Bùi Văn T ngồi nhậu với Nguyễn Văn H, Lương Minh H1, Lý Phước Th1, Nguyễn Thị Thanh Th gần đó. Kh gọi điện thoại cho Huỳnh Phúc D nói cầm 01 dao tự chế đến quán nhậu cho Kh.

Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 21/5/2023, D cất hung khí tại bờ tường gần quán nhậu, rồi tới ngồi chung bàn với Kh và H. Khoảng 20 phút sau, hai nhóm thanh niên mâu thuẫn lời qua Tg lại. Kh lấy dao làm bếp dài 35 cm, rộng nhất 9,5 cm của quán nhậu chém 01 nhát trúng tay phải T gây thương tích. H cầm 01 ly thủy tinh ném khiến Kh bị thương vùng cằm. H chạy tới dùng tay đánh vào lưng T. Kh tiếp tục cầm dao chém trúng tay trái và vùng bụng T gây thương tích. H chạy đến giải vây cho T thì bị Kh cầm dao đuổi đánh và chém vào cổ tay phải. D cầm hung khí tự chế hù dọa, đuổi đánh T và H. Sau khi gây thương tích, nhóm của Kh bỏ về; T và H được người xung quanh đưa đến bệnh viện cấp cứu.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 517/KLTTCT-PYKH ngày 30/6/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Khánh Hòa kết luận:

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Bùi Văn T tại thời điểm giám định là 07%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 518/KLTTCT-PYKH ngày 30/6/2023 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Khánh Hoà kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H tại thời điểm giám định là 02%.

Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, các bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 dao bằng kim loại dài 35 cm, rộng nhất 9,5 cm, phần cán gỗ dài 12 cm, đường kính 03 cm đang tiếp tục tạm giữ để xử lý.

Hung khí là dao tự chế Huỳnh Phúc D sau khi gây án đã vút xuống ruộng lúa. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ninh Hoà đã truy tìm nhưng không thu được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Văn T yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường 150.133.938 đồng; Nguyễn Văn H yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường 75.444.269 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 24/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Văn Kh và đồng phạm về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Bùi Tấn H, Huỳnh Phúc D đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội theo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Kh tự nguyện bồi thường thay cho cả 3 bị cáo cho bị hại Bùi Văn T số tiền 10.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 225.749.518 đồng của bị hại Bùi Văn T và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 80.949.197 đồng của bị hại Nguyễn Văn H, bị cáo Kh đồng ý và không tranh luận về chi phí điều trị, mức thu nhập hàng ngày để làm căn cứ tính thiệt hại thu nhập thực tế bị mất của T, H cũng như thu nhập thực tế bị mất của cha mẹ T, H khi chăm sóc T, H. Tuy nhiên đối với thời gian tính thu nhập thực tế bị mất, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là quá cao và không hợp lý nên bị cáo Kh không đồng ý. Bị cáo Kh chỉ đồng ý bồi thường thời gian tính thu nhập thực tế bị mất đối với bị hại T là 02 tháng, đối với bị hại H là 01 tháng. Đối với số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại T, H bị cáo Kh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Bùi Tấn H đồng ý để bị cáo Kh bồi thường thay cho mình.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 225.749.518 đồng của bị hại Bùi Văn T và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 80.949.197 đồng của bị hại Nguyễn Văn H, bị cáo H đồng ý và không tranh luận về chi phí điều trị, mức thu nhập hàng ngày để làm căn cứ tính thiệt hại thu nhập thực tế bị mất của T, H cũng như thu nhập thực tế bị mất của cha mẹ T, H khi chăm sóc T, H. Tuy nhiên đối với thời gian tính thu nhập thực tế bị mất, tiền bồi thường tổn thất về

tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là quá cao và không hợp lý nên không đồng ý. Bị cáo H chỉ đồng ý bồi thường thời gian tính thu nhập thực tế bị mất đối với bị hại T là 02 tháng, đối với bị hại H là 01 tháng. Đối với số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại T, H bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Huỳnh Phúc D đồng ý để bị cáo Kh bồi thường thay cho mình.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 225.749.518 đồng của bị hại Bùi Văn T và yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền 80.949.197 đồng của bị hại Nguyễn Văn H, bị cáo D đồng ý và không tranh luận về chi phí điều trị, mức thu nhập hàng ngày để làm căn cứ tính thiệt hại thu nhập thực tế bị mất của T, H cũng như thu nhập thực tế bị mất của cha mẹ T, H khi chăm sóc T, H. Tuy nhiên đối với thời gian tính thu nhập thực tế bị mất, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là quá cao và không hợp lý nên không đồng ý. Bị cáo D chỉ đồng ý bồi thường thời gian tính thu nhập thực tế bị mất đối với bị hại T là 02 tháng, đối với bị hại H là 01 tháng. Đối với số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm của bị hại T, H bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Bị hại ông Bùi Văn T trình bày tại phiên tòa:

+ Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị hại không tranh luận tội danh và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát công bố

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giám định lại tỷ lệ thương tích đối với bị hại vì theo quy định tại khoản 2 và điểm 9.2 Mục IV Chương 7 Thông tư 22/2019/TT-BYT thì tỷ lệ thương tật của bị hại phải từ 11% đến 15% chứ không thể là 7% theo như kết luận giám định.

Bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xử theo đúng quy định của pháp luật đối với bị cáo Kh và bị cáo D. Đối với bị cáo H bị hại xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

+ Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu 03 bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 225.749.518 đồng, cụ thể như sau:

Chi phí điều trị là 9.994.190 đồng;

Thu nhập thực tế bị mất: 11 tháng 26 ngày x 469.242 đồng = 167.050.328 đồng;

Thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị và sau khi điều trị: 05 ngày x 650.000 đồng = 3.250.000 đồng;

Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 45.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Bùi Văn T đề nghị Hội đồng xét xử giám định lại tỷ lệ thương tích đối với bị hại Bùi Văn T vì cho rằng theo quy định tại khoản 2 và điểm 9.2 Mục IV Chương 7 Thông tư 22/2019/TT-BYT thì tỷ lệ thương tật của bị hại Bùi Văn T phải từ 11% đến 15% chứ không thể là 7% theo như kết luận giám định.

Về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại Bùi Văn T buộc 03 bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Văn T số tiền 225.749.518 đồng.

- Bị hại ông Nguyễn Văn H trình bày tại phiên tòa:

+ Về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị hại không tranh luận tội danh và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát công bố. Bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xử theo đúng quy định của pháp luật đối với các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu 03 bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 80.949.197 đồng, cụ thể như sau:

Chi phí điều trị là 6.281.077 đồng;

Thu nhập thực tế bị mất: 03 tháng 15 ngày x 458.744 đồng = 48.168.120 đồng;

Thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị và sau khi điều trị: 05 ngày x 300.000 đồng = 1.500.000 đồng;

Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 25.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Văn H không tranh luận tội danh và hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát công bố.

Về phần trách nhiệm dân sự yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc 03 bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Bùi Văn T số tiền 80.949.197 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn H, Huỳnh Phúc D mức án từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho 02 bị hại theo quy định của pháp luật.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ 01 dao bằng kim loại dài 35 cm, rộng nhất 9,5 cm, phần cán gỗ dài 12 cm, đường kính 03 cm.

Đối với yêu cầu của bị hại Bùi Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Bùi Văn T – Luật sư Lê Phương T yêu cầu Hội đồng xét xử giám định lại tỷ lệ thương tích đối với bị hại Bùi Văn T là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn Kh, bị cáo Bùi Tấn H, bị cáo Huỳnh Phúc D xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại Bùi Văn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Bùi Văn T – Luật sư Lê Phương T yêu cầu Hội đồng xét xử trung cầu giám định lại mức độ thương tật của Bùi Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[1.2] Người làm chứng: Ông Lương Minh H1, bà Nguyễn Thị Thanh Th, ông Lý Phước Th1, ông Phạm Ngọc Th2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Xét lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Bùi Tấn H, Huỳnh Phúc D tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cùng vật chứng đã thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Kh, Bùi Tấn H, Huỳnh Phúc D đã có hành vi dùng hung khí đánh nhau, xâm phạm sức khỏe, tính mạng của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích*"; tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án "*Cố ý gây thương tích*" nghiêm trọng có nhiều bị cáo tham gia mang tính chất đồng phạm nhưng chỉ ở mức độ đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm giữa các bị cáo mà các bị cáo chỉ cùng nhau rủ rê thực hiện tội phạm; vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án này là khác nhau và được phân hóa như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn Kh là người rủ rê, khởi xướng và cũng là người thực hành tích cực nhất so với 02 bị cáo còn lại. Bị cáo Kh là người trực tiếp dùng dao chém bị hại T và bị hại H gây thương tích. Vì vậy phải xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh một mức án thật nghiêm và cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

- Bị cáo Bùi Tấn H không có mâu thuẫn, xích mích gì với 02 bị hại T và H. Tuy nhiên, khi thấy bị cáo Kh dùng dao chém bị hại T và bị hại H, bị cáo H liền lao vào giúp sức bằng cách dùng tay tấn công vào người T. Qua đó cho thấy bị cáo H là người có bản tính côn đồ, coi thường kỷ cương pháp luật, sẵn sàng giúp người khác giải quyết mâu thuẫn thông qua con đường bạo lực mà không cần phân biệt phải trái, đúng sai như thế nào. Vì vậy cần xử phạt bị cáo H một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, vai trò giúp sức tích cực của bị cáo H.

- Bị cáo Huỳnh Phúc D là người đã trưởng thành, có đủ lý trí nhận thức được việc chuẩn bị hung khí đi đánh nhau là vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lý nghiêm minh. Trong vụ án này, bị cáo là người giúp tích cực, khi được bị cáo

Kh gọi điện chuẩn bị hung khí để đánh nhau, bị cáo không từ chối mà đồng ý tham gia ngay, thể hiện bằng việc bị cáo lấy một cây rựa sau đó điều khiển xe mô tô chạy từ thôn Hội Phú Nam 1, xã Ninh Phú đến tổ dân phố 2, phường Ninh Hiệp rồi dùng hung khí đã chuẩn bị sẵn để đuổi đánh, hù dọa T, H. Vì vậy cần xử phạt bị cáo D một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, vai trò giúp sức tích cực của bị cáo D.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Bị cáo Nguyễn Văn Kh là người có nhân thân xấu: Ngày 12/6/2023, Nguyễn Văn Kh bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 07/8/2023, Nguyễn Văn Kh bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N khởi tố bị can về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Điều này chứng tỏ bị cáo có bản tính coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, bất chấp H quả xảy ra để khẳng định vị trí của bản thân tại địa phương.

Xét về nhân thân, cùng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cần phải xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh một mức án thật nghiêm và cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án. Cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng dân cư một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng tính mạng, sức khỏe con người.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường cho 02 bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo Kh chưa có tiền án, tiền sự vì vậy cần thiết áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội.

- Bị cáo Bùi Tấn H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng với bản tính thích thể hiện bản thân, bị cáo sẵn sàng vi phạm pháp luật vì tình nghĩa bạn bè, mong muốn giải quyết mọi mâu thuẫn thông qua con đường bạo lực, coi thường kỷ cương pháp luật, bất chấp mọi hậu quả xảy ra. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng dân cư một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị cáo Kh bồi thường thiệt hại thay cho người bị hại và được bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt do đó cần thiết áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Huỳnh Phúc D là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng với bản tính thích thể hiện bản thân bị cáo sẵn sàng vi phạm pháp luật vì tình nghĩa bạn bè, mong muốn giải quyết mọi mâu thuẫn thông qua con đường bạo lực, coi thường kỷ cương pháp luật, bất chấp mọi hậu quả xảy ra. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng

dân cư một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị cáo Kh bồi thường thiệt hại thay cho người bị hại do đó cần thiết áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về căn cứ quyết định hình phạt: Mức hình phạt do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng xử phạt bị cáo Nguyễn Kh từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Tấn H, bị cáo Huỳnh Phúc D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chấp nhận.

[6] Các biện pháp tư pháp:

[6.1] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Các bị cáo đã có hành vi trái pháp luật, có lỗi gây thiệt hại về vật chất và thiệt hại do tổn thất về tinh thần đối với các bị hại. Các bên không tự thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường.

- Bị hại Bùi Văn T yêu cầu 03 bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 225.749.518 đồng, cụ thể như sau:

+ Về chi phí điều trị là 9.994.190 đồng;

Tại phiên tòa 03 bị cáo: Kh, H, D đồng ý bồi thường chi phí điều trị cho bị hại T theo yêu cầu. Xét, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về thu nhập thực tế bị mất: 11 tháng 26 ngày x 469.242 đồng = 167.050.328 đồng;

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị hại T nhập viện ngày 21/5/2023, ra viện ngày 25/5/2023 và theo chỉ định của Bệnh viện thì bị hại T phải đến kiểm tra lại sau 08 ngày tại phòng khám NCT (nghỉ ốm từ ngày 26/5/2023 đến hết ngày 02/6/2023) nên số ngày mất thu nhập của ông T được tính từ ngày 21/5/2023 đến ngày 02/6/2023 là 13 ngày.

Tuy nhiên, tại phiên tòa 03 bị cáo: Kh, H, D đồng ý bồi thường thu nhập thực tế bị mất cho bị hại T với thời gian là 60 ngày và với mức thu nhập hàng ngày là 469.242 đồng, tổng số tiền là 28.154.520 đồng. Xét, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy số tiền thu nhập bị mất của bị hại T được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 469.242 đồng x 60 = 28.154.520 đồng

+ Về thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị và sau khi điều trị: 05 ngày x 650.000 đồng = 3.250.000 đồng;

Tại phiên tòa 03 bị cáo: Kh, H, D đồng ý bồi thường thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị cho bị hại T theo yêu cầu của bị hại. Xét, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 45.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 về mức bồi thường tổn thất tinh thần thì mức bồi thường tối đa đối với thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Bị hại T bị tổn hại 7% sức khỏe nhưng yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy với mức yêu cầu bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần của bị hại là cao và không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thương tích thực tế mà các bị cáo gây cho bị hại. Do vậy, cần điều chỉnh mức bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại; buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 10 tháng lương cơ sở: $1.800.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} = 18.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, cần buộc các bị cáo: Nguyễn Văn Kh, Bùi Tấn H, Huỳnh Phúc D phải liên đới bồi thường cho Bùi Văn T tổng số tiền là: $9.994.190 \text{ đồng} + 28.154.520 \text{ đồng} + 3.250.000 \text{ đồng} + 18.000.000 \text{ đồng} = 59.398.710 \text{ đồng}$. Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại T số tiền là 10.000.000 đồng tại phiên tòa nên phải bồi thường tiếp cho bị hại T số tiền 49.398.710 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo thỏa thuận bị cáo Kh có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại T số tiền 24.699.355 đồng, bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại T số tiền 12.349.677 đồng, bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại T số tiền 12.349.677 đồng. Xét đây là sự thỏa thuận dân sự hoàn toàn tự nguyện giữa các bị cáo, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị hại Nguyễn Văn H yêu cầu 03 bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 80.949.197 đồng, cụ thể như sau:

+ Về chi phí điều trị là 6.281.077 đồng;

Tại phiên tòa 03 bị cáo: Kh, H, D đồng ý bồi thường chi phí điều trị cho bị hại H theo yêu cầu của bị hại. Xét, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về thu nhập thực tế bị mất: $03 \text{ tháng} \times 15 \text{ ngày} \times 458.744 \text{ đồng} = 48.168.120 \text{ đồng}$;

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị hại H nhập viện ngày 21/5/2023, ra viện ngày 25/5/2023, tổng số ngày điều trị là 05 ngày nên số ngày mất thu nhập của bị hại H là 05 ngày.

Tuy nhiên, tại phiên tòa 03 bị cáo: Kh, H, D đồng ý bồi thường thu nhập thực tế bị mất cho bị hại H với thời gian là 30 ngày và với mức thu nhập hàng ngày là 458.744 đồng, tổng số tiền là 13.762.320 đồng. Xét, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì vậy số tiền thu nhập bị mất của bị hại H được Hội đồng xét xử chấp nhận là: $458.744 \text{ đồng} \times 30 = 13.762.320 \text{ đồng}$

+ Về thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị và sau khi điều trị: $05 \text{ ngày} \times 300.000 \text{ đồng} = 1.500.000 \text{ đồng}$

Tại phiên tòa 03 bị cáo: Kh, H, D đồng ý bồi thường thu nhập thực tế của người chăm sóc trong thời gian điều trị cho bị hại H theo yêu cầu của bị hại.

Xét, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm: 25.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 về mức bồi thường tổn thất tinh thần thì mức bồi thường tối đa đối với thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Bị hại H bị tổn hại 2% sức khỏe nhưng yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần 25.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy với mức yêu cầu bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần của bị hại là cao và không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thương tích thực tế mà các bị cáo gây cho bị hại. Do vậy, cần điều chỉnh mức bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại; buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 05 tháng lương cơ sở: 1.800.000 đồng x 05 tháng = **9.000.000 đồng**.

Như vậy, cần buộc các bị cáo: Nguyễn Văn Kh, Bùi Tấn H, Huỳnh Phúc D phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H tổng số tiền là: **6.281.077 đồng + 13.762.320 đồng + 1.500.000 đồng + 9.000.000 đồng = 30.543.397 đồng**, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại H số tiền là 5.000.000 đồng tại phiên tòa nên phải bồi thường tiếp cho bị hại H số tiền 25.543.397 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo thỏa thuận bị cáo Kh có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại H số tiền 12.771.698 đồng, bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại H số tiền 6.385.849 đồng, bị cáo D có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại H số tiền 6.385.849 đồng. Xét đây là sự thỏa thuận dân sự hoàn toàn tự nguyện giữa các bị cáo, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Về xử lý vật chứng: 01 dao bằng kim loại dài 35 cm, rộng nhất 9,5 cm, phần cán gỗ dài 12 cm, đường kính 03 cm là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với số tiền bồi thường cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015;

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Xử phạt các bị cáo như sau:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Kh 02 (Hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Tấn H 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Phúc D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Kh phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Bùi Văn T số tiền 24.699.355 (Hai mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn ba trăm năm mươi lăm) đồng, bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn H số tiền 12.771.698 (Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn sáu trăm chín mươi tám) đồng.

Buộc bị cáo Bùi Tấn H phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Bùi Văn T số tiền 12.349.677 (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi bảy) đồng, bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn H số tiền 6.385.849 (Sáu triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

Buộc bị cáo Huỳnh Phúc D phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Bùi Văn T số tiền 12.349.677 (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm bảy mươi bảy) đồng, bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn H số tiền 6.385.849 (Sáu triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn tám trăm bốn mươi chín) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 dao bằng kim loại dài 35 cm, rộng nhất 9,5 cm, phần cán gỗ dài 12 cm, đường kính 03 cm là công cụ phạm tội (Vật chứng nêu trên hiện đang được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 03 tháng 01 năm 2024).

4. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn Kh phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.873.552 (Một triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm năm mươi hai) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Tấn H phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 936.776 (Chín trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Huỳnh Phúc D phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 936.776 (Chín trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm bảy mươi sáu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- CQ CSĐT Công an thị xã N;
- CQ THAHS Công an thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh